Họ và tên: Vũ Thị Hiền

Vuthihien79754@gmail.com

V7 – Nghị luận – **Bệnh lề mề**, Nghị luận về một vấn đề trong đời sống

Đề Tốt

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TP …**TRƯỜNG THCS ….** | **KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ II****Năm học 2023 – 2024** **Môn:** **Ngữ văn lớp 7**  Thời gian làm bài: 90 phút  |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc**  |  Văn bản nghị luận | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc**  | Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:- Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống.- Nhận biết được phép liên kết trong đoạn văn.**Thông hiểu**:- Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.- Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.- Chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.**Vận dụng:** - Thể hiện được thái độ của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản.- Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** **Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* | 1TL\* |
| **Tổng** |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT …**TRƯỜNG THCS …** | **ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ II****Năm học: 2023 – 2024** **Môn: Ngữ văn - lớp 7**Thời gian làm bài: 90 phút (*Không kể thời gian giao đề)* |

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

 **Đọc văn bản sau:**

**BỆNH LỀ MỀ**

 Trong đời sống hiện nay có một hiện tượng khá phổ biến, mọi người đều thấy, nhưng thường bỏ qua. Đó là bệnh lề mề mà coi thường giờ giấc là một biểu hiện. Cuộc họp ấn định vào lúc 8 giờ sáng mà 9 giờ mới có người đến. Giấy mời hội thảo ghi 14 giờ mà mãi đến 15 giờ mọi người mới có mặt. Hiện tượng này xuất hiện trong nhiều cơ quan, đoàn thể, trở thành một bệnh khó chữa.

 Những người lề mề ấy, khi ra sân bay, lên tàu hỏa, đi nhà hát chắc là không dám đến muộn, bởi đến muộn là có hại ngay đến quyền lợi thiết thân của họ. Nhưng đi họp, hội thảo là việc chung, có đến muộn cũng không thiệt gì. Thế là hết chậm lần này đến chậm lần khác, và bệnh lề mề không sửa được.

 Bệnh lề mề suy cho cùng là do một số người thiếu tự trọng và chưa biết tôn trọng người khác tạo ra. Họ chỉ quý thời gian của mình mà không tôn trọng thời gian của người khác. Họ không coi mình là người có trách nhiệm đối với công việc chung của mọi người.

 Bệnh lề mề gây hại cho tập thể. Đi họp muộn, nhiều vấn đề không được bàn bạc thấu đáo, hoặc khi cần lại phải kéo dài thời gian. Bệnh lề mề gây hại cho những người biết tôn trọng giờ giấc. Ai đến đúng giờ lại cứ phải đợi người đến muộn. Bệnh lề mề tạo ra tập quán không tốt: Muốn người dự đến đúng giờ như mong muốn, giấy mời thường phải ghi giờ khai mạc sớm hơn 30 phút hay 1 giờ!

 Cuộc sống văn minh hiện đại đòi hỏi mọi người phải tôn trọng lẫn nhau và hợp tác với nhau. Những cuộc họp không thật cần thiết thì không nên tổ chức. Nhưng những cuộc hội họp cần thiết thì mọi người cần tự giác tham dự đúng giờ. Làm việc đúng giờ là tác phong của người có văn hóa.

 *(Theo Phương Thảo - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam,2007, tr 20)*

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1:** Văn bản *“Bệnh lề mề”* thuộc kiểu văn bản nào?

 A. Văn bản biểu cảm. C. Văn bản tự sự.

B. Văn bản nghị luận. D. Văn bản thuyết minh.

**Câu 2:** Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

A. Việc ăn mặc không đúng tác phong. C. Việc coi thường giờ giấc.

B. Việc nói năng thiếu văn hóa. D. Việc vứt rác bừa bãi.

**Câu 3:** Nhận định nào sau đây **không** **đúng** với văn bản *“Bệnh lề mề”*?

A. Bài viết ngắn gọn, súc tích, thể hiện rõ tình cảm của người viết.

B. Người viết thể hiện rõ ý kiến đối với vấn đề cần bàn bạc.

C. Trình bày những ý kiến, lí lẽ rõ ràng, cụ thể.

D. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

**Câu 4:** Từ ngữ in đậm trong đoạn văn sau sử dụng phép liên kết nào?

*“…Những cuộc họp không thật cần thiết thì không nên tổ chức.* ***Nhưng*** *những cuộc hội họp cần thiết thì mọi người cần tự giác tham dự đúng giờ. ”*

A. Phép thế. C. Phép liên tưởng.

B. Phép lặp. D. Phép nối.

**Câu 5:** Ý nào **không đúng** khi nói về *“tác hại của bệnh lề mề”* từ văn bản trên?

A. Bệnh lề mề gây hại cho tập thể.

B. Đi họp muộn, nhiều vấn đề không bàn bạc thấu đáo.

C. Bệnh lề mề suy cho cùng là do một số người thiếu tự trọng.

D. Bệnh lề mề tạo ra tập quán không tốt.

**Câu 6:** Nội dung chính của văn bản trên là gì?

A. Tác hại của bệnh lề mề đối với tập thể và những người xung quanh.

B. Khẳng định giá trị của bệnh lề mề đối với con người.

C. Phải biết tận dụng thời gian trong công việc.

D. Ý nghĩa của thời gian trong công việc, sản xuất.

**Câu 7:** Văn bản *“Bệnh lề mề”* bàn về những khía cạnh nào của vấn đề?

A. Biểu hiện, nguyên nhân, mặt lợi, giải pháp.

B. Biểu hiện, nguyên nhân, mặt hại, giải pháp.

C. Khái niệm, nguyên nhân, mặt lợi, giải pháp.

D. Khái niệm, nguyên nhân, mặt hại, giải pháp.

**Câu 8:** Các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản trên có mối quan hệ với nhau như thế nào ?

A. Có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, các lí lẽ, bằng chứng giúp củng cố ý kiến.

B. Nêu ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết với vấn đề cần bàn.

C. Có mối quan hệ với nhau, các lí lẽ, bằng chứng giúp củng cố ý kiến.

D. Nêu lên các nhân vât, số liệu, sự kiện liên quan đến vấn đề cần bàn bạc.

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 9:** Em có đồng ý với các giải pháp tác giả đưa ra để khắc phục bệnh lề mề không? Vì sao?

**Câu 10:** Qua văn bản trên, em rút ra bài học gì cho bản thân?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn nghị luận *(khoảng 400 chữ)* về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

 …….HẾT……

 **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

 **Môn: Ngữ văn lớp 7**

**Đề phụ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | Gợi ý: -Em đồng ý- Vì:+ Các biện pháp ấy ai cũng thực hiện được. + Phù hợp với mọi người… | 1,0  |
|  | **10** | HS nêu được một số bài học để khắc phục bệnh lề mề:Gợi ý:- Không sai hẹn, luôn đúng giờ.- Chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong công việc. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.  | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: viết bài văn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm  | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | **\* MB:** - Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận.- Nêu ý kiến của người viết về vấn đề cần bàn luận.**\* TB:** **- Giải thích**: Giải thích những từ ngữ, khái niệm quan trọng. Nếu bài viết bàn về một câu tục nữ, câu danh ngôn thì cần giải thích ý nghĩa cả câu.**- Bàn luận**: Triển khai các vấn đề nghị luận.+ Khẳng định ý kiến tán thành hoặc phản đối của người viết về vấn đề.+ Trình bày các lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến.**- Lật lại vấn đề:**+ Nhìn nhận vấn đề ở chiều hướng ngược lại, trao đổi với ý kiến trái chiều, đánh giá những ngoại lệ, bổ sung ý cho vấn đề thêm toàn vẹn.**\* KB:** Khẳng định lại ý kiến, đề xuất giải pháp, nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động. | 3.0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,25 |